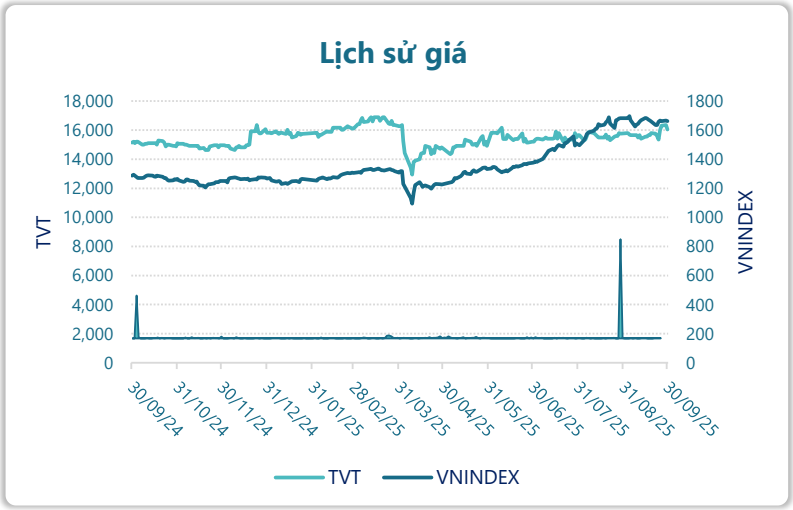
FireAnt

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (HSX: TVT)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,884
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,939
SL cổ phiếu LH	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,949
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	337
P/E	7.2
EPS	2,243

DT thuần

Q3/25

406

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.00| -1.8%

YoY: ▼74.0| -15.3%

LN sau thuế

Q3/25

12.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.70| 6.1%

YoY: ▲ 6.43| 102%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.4%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

9T 2025

1,191

tỷ VNĐ

YoY: ▼66.0| -5.2%

LN sau thuế

9T 2025

31.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 21.9| 234%

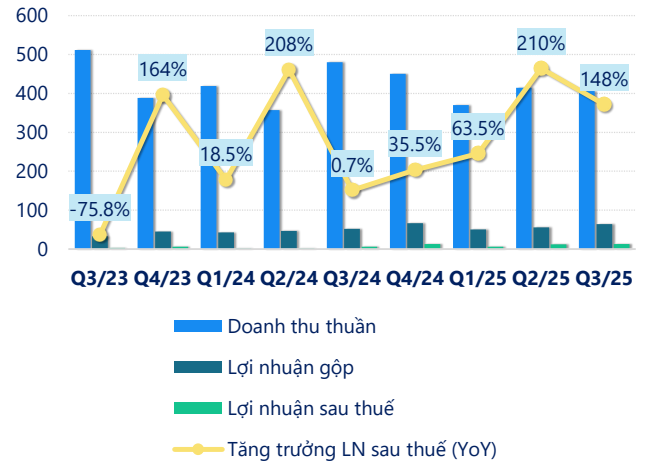
ROE

Q3/25

8.3%

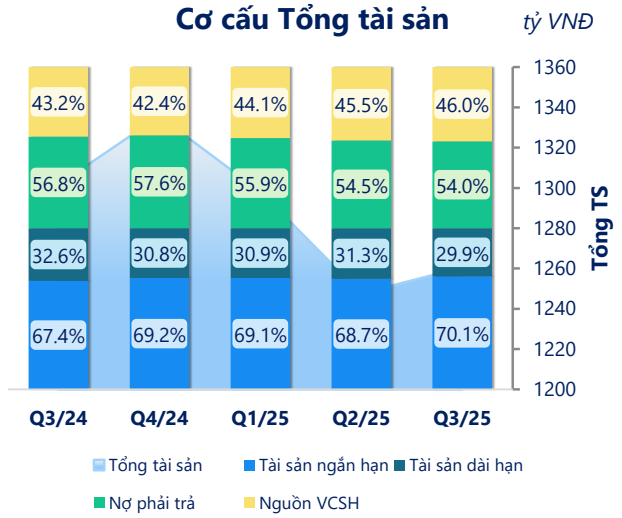
+/- YoY: ▲ 5.4%

Kết quả kinh doanh



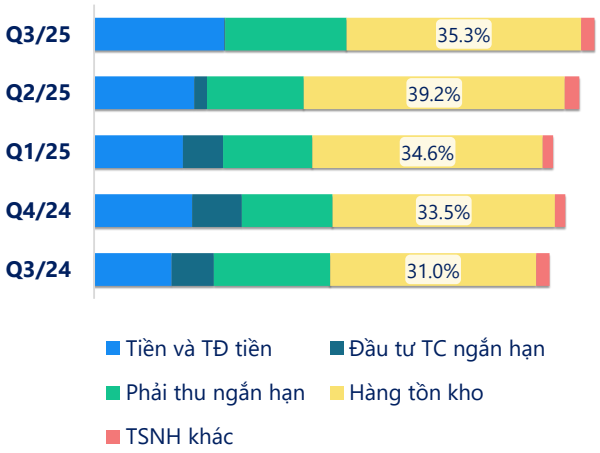
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



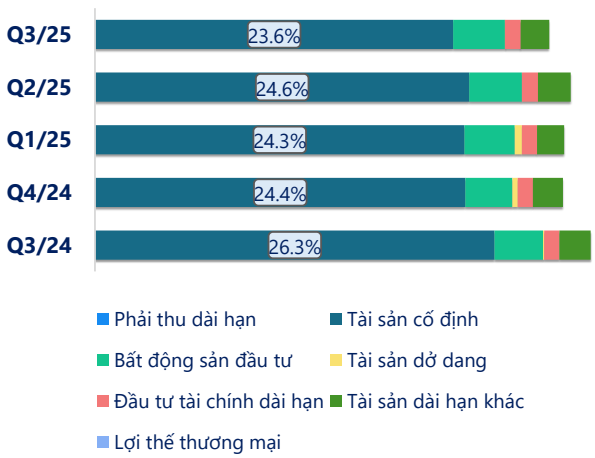
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



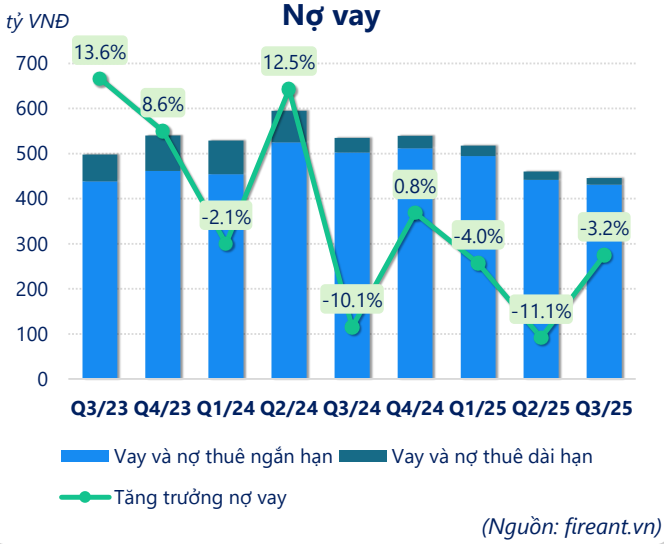
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



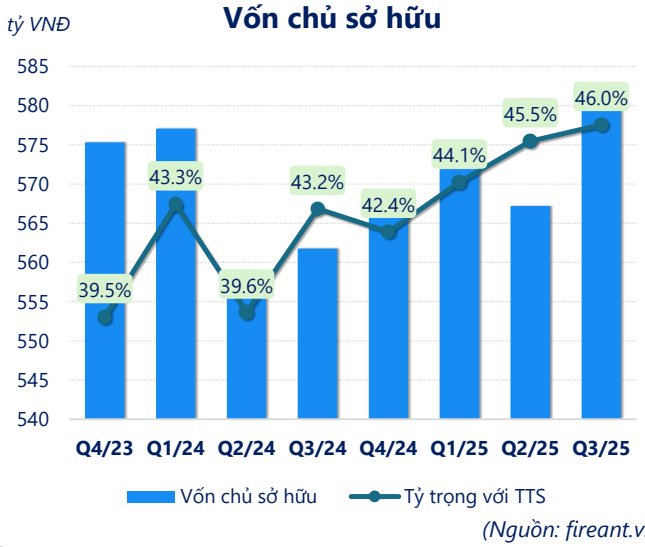
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



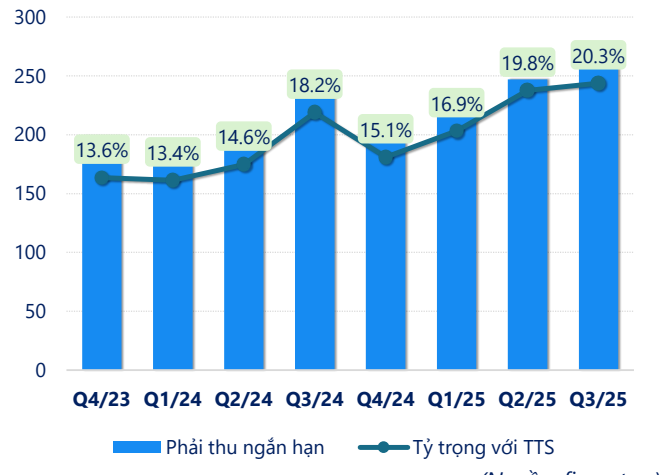
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



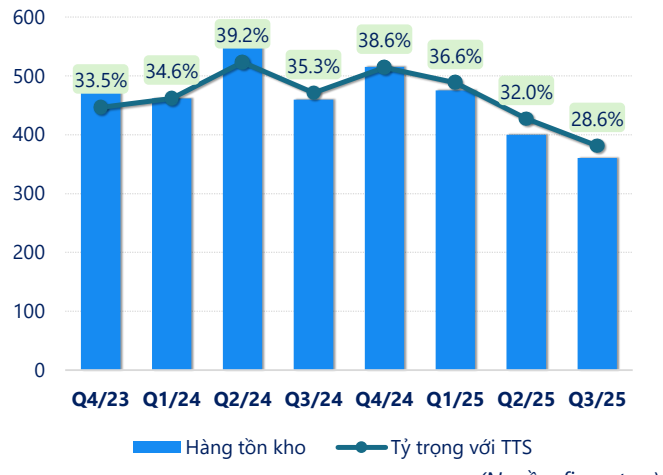
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



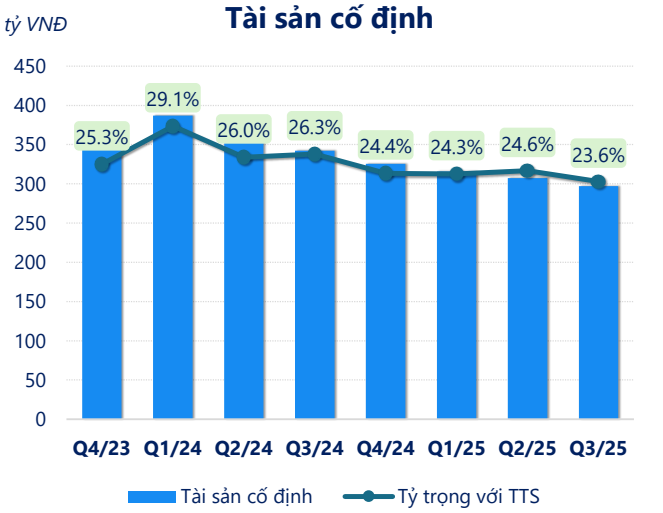
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



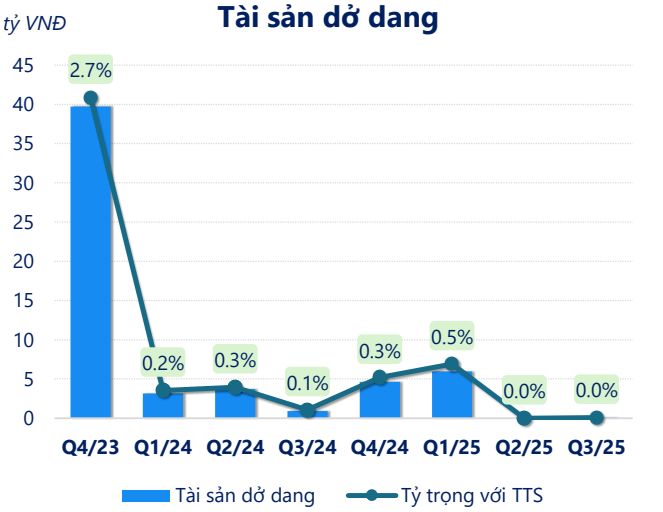
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



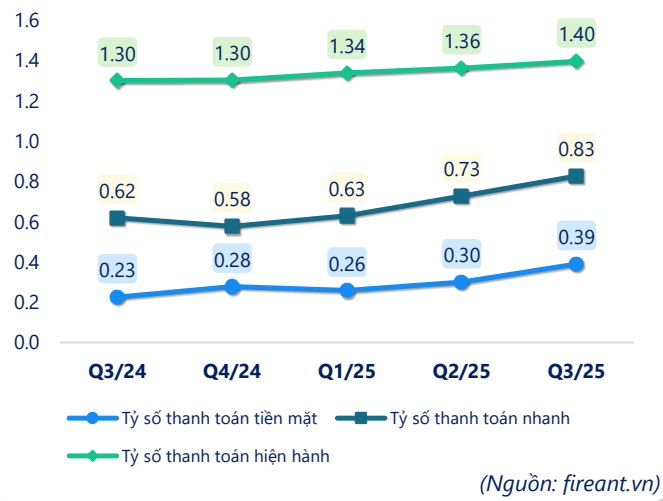
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



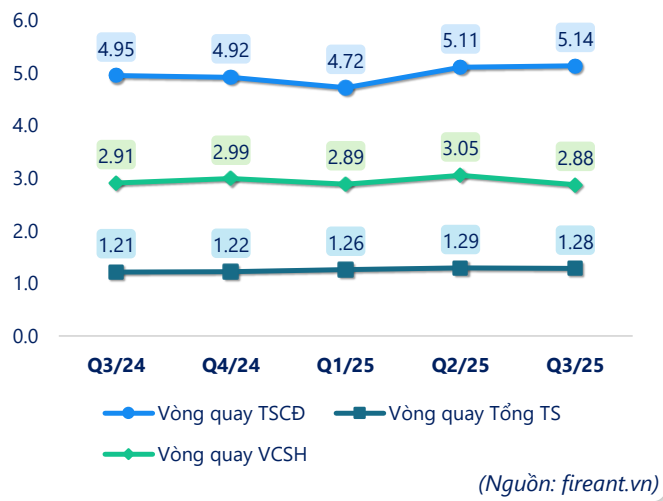
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,302**	**1,336**	**1,298**	**1,248**	**1,260**
Tài sản ngắn hạn	**877**	**924**	**897**	**857**	**884**
Tiền và tương đương tiền	152	197	173	188	247
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Phải thu ngắn hạn	237	201	220	247	256
Hàng tồn kho	460	515	475	400	360
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	8.77	27.0	20.1	18.3
Tài sản dài hạn	**425**	**411**	**401**	**391**	**377**
Phải thu dài hạn	0.17	0.11	0.11	0.13	0.12
Tài sản cố định	342	326	316	307	297
Bất động sản đầu tư	41.7	41.3	43.1	43.3	43.0
Tài sản dở dang	0.92	4.62	5.98	0	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	12.9	13.2	13.0	13.0	13.1
Tài sản dài hạn khác	26.9	26.4	23.2	27.0	23.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**740**	**770**	**726**	**680**	**680**
Nợ ngắn hạn	**674**	**709**	**670**	**628**	**633**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	503	512	495	442	431
Phải trả người bán ngắn hạn	102	121	92.1	71.6	84.5
Nợ dài hạn	66.2	60.4	56.6	52.2	47.8
Vay và nợ thuê dài hạn	32.2	27.3	22.9	18.5	14.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**562**	**566**	**572**	**567**	**580**
Vốn chủ sở hữu	**562**	**566**	**572**	**567**	**580**
Vốn điều lệ	210	210	210	210	210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)